

Số: 59 /2023/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu  
cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và  
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính  
phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông  
tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia của tỉnh về cán bộ, công chức, viên chức trong các  
cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 2989/TTr-SNV ngày  
30 tháng 11 năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phê duyệt, quản lý, sử  
dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01  
năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi thành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo HP, Đài PTTH HP, Công TTĐT TP;
- Công báo thành phố;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, HCTC, QTTV;
- Lưu: VT, KSTTHC6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

## QUY CHẾ

**Phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ,  
công chức, viên chức thành phố Hải Phòng**  
(Kèm theo Quyết định số 59 /2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về nguyên tắc, cách thức tạo lập, cập nhật, phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hội có tính chất đặc thù thuộc thành phố Hải Phòng (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị).

b) Các nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là người lao động) trong các cơ quan, đơn vị sau:

a) Các sở, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (UBND) thành phố, Thanh tra thành phố và Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng (sau đây gọi chung là Sở và tương đương); các ban, chi cục thuộc Sở, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi chung là Chi cục và tương đương);

b) HĐND, UBND cấp huyện;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố, gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (UBND) thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và tương đương, Chi cục và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các Hội đặc thù cấp thành phố;

đ) Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức - chính trị xã hội ở cấp xã.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Công tác xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố được thực hiện thống nhất, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của từng CBCCVC, người lao động, kể từ khi được tuyển dụng, ký hợp đồng lao động cho đến khi không còn làm việc tại các cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước.

2. Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Dữ liệu của CBCCVC, người lao động phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật. Dữ liệu của CBCCVC, người lao động được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về CBCCVC.

4. Người có thẩm quyền được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố theo quy định của pháp luật, trừ thông tin của cá nhân người đó hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không yêu cầu khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố, trừ trường hợp phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

## **Điều 3. Các hành vi không được làm**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, các hành vi khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương II**

### **TẠO LẬP, CẬP NHẬT, PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAİ THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

## **Điều 4. Tạo lập, cập nhật dữ liệu**

1. Chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố

a) Đối với CBCCVC: Sử dụng mẫu sơ yếu lý lịch tại Phụ lục kèm theo Thông

tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ Nội vụ để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

b) Đối với người lao động: Sử dụng mẫu hợp đồng lao động tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BNV ngày 03 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu đối với người lao động được thực hiện bắt đầu từ ngày 01/01/2024.

2. Cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng CBCCVC, người lao động có trách nhiệm tạo lập tài khoản cá nhân cho CBCCVC, người lao động và tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin của CBCCVC, người lao động vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

Cá nhân CBCCVC, người lao động có trách nhiệm khai đầy đủ thông tin theo mẫu sơ yếu lý lịch hoặc mẫu hợp đồng lao động quy định tại Khoản 1 Điều này (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền); cung cấp cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tổ chức thực hiện việc nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố;

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật dữ liệu CBCCVC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý sử dụng từ Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC (không bao gồm đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 1 Quy chế này).

#### **Điều 5. Phê duyệt dữ liệu**

1. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện rà soát, ký số phê duyệt bằng chữ ký số đối với tất cả hồ sơ CBCCVC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý và thực hiện đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC (không bao gồm đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 1 Quy chế này).

2. Trong vòng 05 ngày cuối từng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ, người có thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng CBCCVC, người lao động có trách nhiệm phê duyệt bằng chữ ký số đối với hồ sơ mới được tạo lập hoặc hồ sơ cập nhật dữ liệu (sau đây gọi tắt là hồ sơ) thuộc thẩm quyền quản lý tại Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố theo phân cấp, cụ thể như sau:

a) Người đứng đầu Sở và tương đương có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ đối với CBCC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (không bao gồm cơ quan trực thuộc);

b) Người đứng đầu HĐND, UBND cấp huyện có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ đối với CBCC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (không bao gồm cơ quan trực thuộc);

c) Người đứng đầu Chi cục và tương đương có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ đối với CBCCVC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (không bao gồm đơn

vị trực thuộc);

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Đối với cơ sở dữ liệu CBCC cấp xã: Người đứng đầu UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ đối với CBCC cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Người đứng đầu các Hội đặc thù cấp thành phố có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ đối với người làm việc, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 6. Khai thác cơ sở dữ liệu**

1. Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia được chia sẻ mặc định về Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố để phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân thành phố và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng, khai thác dữ liệu tổng hợp, phân tích chung, dữ liệu về CBCCVC, người lao động của cơ quan, đơn vị mình trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

3. CBCCVC, người lao động được khai thác dữ liệu của mình; CBCCVC được giao quản lý Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 14 Quy chế này được quản lý, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu CBCCVC, người lao động trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

### **Điều 7. Cách thức sử dụng, khai thác dữ liệu**

1. Sở Nội vụ sử dụng, khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC bằng tài khoản do Bộ Nội vụ cung cấp và truy cập thông qua cổng thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước tại địa chỉ <https://ccvc-portal.moha.gov.vn> (sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) hoặc sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Các cơ quan, đơn vị sử dụng, khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố theo các quy trình nghiệp vụ, các chức năng tìm kiếm, tổng hợp, thống kê và kết xuất thông tin tại phần mềm của đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm đã được Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lựa chọn, phê duyệt theo quy định, đảm bảo các nguyên tắc của Quy chế này và các quy định khác có liên quan về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước.

### **Điều 8. Lưu trữ cơ sở dữ liệu**

1. Dữ liệu CBCCVC, người lao động được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố và được Sở Nội vụ tổ chức thực hiện sao lưu định kỳ theo

quy định để dự phòng rủi ro.

2. Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

### **Điều 9. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu**

1. Trường hợp CBCCVC được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác (sau đây gọi là thay đổi công tác) từ các cơ quan, đơn vị do bộ ngành quản lý hoặc do các tỉnh, thành phố khác quản lý về cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố thì đồng thời với việc chuyển giao hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày nhận chuyển giao hồ sơ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ, cơ quan, đơn vị tiếp nhận CBCCVC tạo lập tài khoản cá nhân cho CBCCVC được tiếp nhận; có văn bản đề nghị để Sở Nội vụ đồng bộ dữ liệu của CBCCVC đó từ Cơ sở dữ liệu quốc gia của cơ quan, đơn vị cũ về Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

b) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận CBCCVC có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra thông tin, dữ liệu và tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu đối với CBCCVC được tiếp nhận theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và theo quy định của cơ quan quản lý nếu có sự thay đổi về thông tin.

2. Trường hợp CBCCVC thay đổi công tác chuyển đến cơ quan, đơn vị, bộ phận mới trong cùng cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng CBCCVC thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm điều chuyển hồ sơ trên phần mềm đến cơ quan, đơn vị, bộ phận mới (ngay sau khi văn bản có hiệu lực).

3. Trường hợp CBCCVC thay đổi công tác chuyển đến cơ quan, đơn vị mới (không bao gồm đối tượng tại khoản 1, khoản 2 Điều này) thì cơ quan, đơn vị sử dụng nơi CBCCVC đã công tác trước đây chuyển hồ sơ trên phần mềm đến cơ quan, đơn vị mới (ngay sau khi văn bản có hiệu lực).

Sau khi tiếp nhận hồ sơ trên phần mềm, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm tạo lập, bàn giao tài khoản cá nhân cho CBCCVC để kiểm tra thông tin, dữ liệu, thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này và theo quy định của cơ quan quản lý nếu có sự thay đổi về thông tin.

4. Trường hợp CBCCVC thay đổi công tác chuyển đến từ khối Đảng, đoàn thể hoặc từ cơ quan, đơn vị không cùng hệ thống quản lý CBCCVC (trong trường hợp không thể đồng bộ, chia sẻ dữ liệu) thì người đầu cơ quan, đơn vị mới thực hiện việc tạo lập hồ sơ mới cho CBCCVC theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

5. Trường hợp CBCCVC thay đổi công tác chuyển đến cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều này; chuyển công tác ra khỏi cơ quan, đơn vị của Nhà nước; nghỉ hưu; thôi việc; qua đời thì cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng CBCCVC thực hiện điều chỉnh tình trạng hồ sơ tương ứng trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

## **Điều 10. Kết nối, chia sẻ dữ liệu**

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) thực hiện kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC quy định và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành với Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

3. Các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng CBCCVC thực hiện ký số phê duyệt hồ sơ CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đồng bộ dữ liệu cơ quan, đơn vị với CSDLQG thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

## **Điều 11. Chế độ báo cáo công tác quản lý hồ sơ CBCCVC**

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý cơ sở dữ liệu CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm cả cơ quan, đơn vị trực thuộc nếu có) theo quy định tại Khoản 11 Điều 16 Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

2. Hằng năm, Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Nội vụ tình hình quản lý cơ sở dữ liệu CBCCVC theo quy định.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG VIỆC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CBCCVC THÀNH PHỐ**

**Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, các Hội đặc thù cấp thành phố**

1. Quy định chi tiết việc phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu cần thiết).

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) triển khai các nội dung theo yêu cầu về việc phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC trong các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Quy chế này.

3. Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc cập nhật thông tin hồ sơ CBCCVC thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) theo định kỳ hàng tháng; xem xét, xử lý vi phạm của cơ quan, đơn vị và cá nhân không thực hiện theo quy định tại Quy chế này.



4. Sử dụng thông tin, dữ liệu CBCCVC trong cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị trực thuộc để làm cơ sở thực hiện việc quản lý, sử dụng đội ngũ CBCCVC theo quy định và chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 13 Quy chế này.

**Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

1. Quản lý tài khoản được phân cấp; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

2. Có trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc cập nhật, bổ sung thông tin đối với hồ sơ CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

3. Tổ chức thực hiện quản lý dữ liệu CBCCVC, người lao động (bao gồm cả CCVC biệt phái) theo quy định tại Quy chế này và quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý dữ liệu CBCCVC người lao động trong phạm vi quản lý. Tham mưu xem xét, xử lý vi phạm cơ quan, đơn vị, cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

5. Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 5 Quy chế này.

**Điều 14. Trách nhiệm của công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị**

1. Chấp hành quy định về các hành vi không được làm quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Thông qua nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC theo quy định pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm cung cấp dữ liệu CBCCVC, người lao động chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong cơ sở dữ liệu CBCCVC và những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu xem xét, xử lý.

5. Đôn đốc việc hoàn thiện đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu CBCCVC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

6. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu CBCCVC theo yêu cầu công việc.

7. Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản cơ quan, đơn vị và tài khoản người dùng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

8. Trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

1. Chấp hành quy định tại Quy chế này và các quy định của Đảng, pháp luật, quy chế của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

2. Chịu trách nhiệm cập nhật đúng, đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm tính xác thực của các dữ liệu, tài liệu cung cấp kèm theo dữ liệu cá nhân của mình trước pháp luật và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cập nhật dữ liệu, thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu mình cung cấp.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

b) Rà soát, đề xuất điều chỉnh, nâng cấp kịp thời các thông tin, danh mục, tính năng trong phần mềm cho phù hợp với quy định hiện hành của Trung ương và thành phố.

c) Sử dụng thông tin về hồ sơ CBCCVC của các cơ quan, đơn vị đã được cập nhật vào phần mềm để làm cơ sở thực hiện công tác quản lý, sử dụng CBCCVC theo quy định.

d) Sau khi kiểm tra đối chiếu thông tin về hồ sơ CBCCVC đã được phê duyệt, Sở Nội vụ sẽ không thực hiện, giải quyết các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ theo phân cấp đối với những cơ quan, đơn vị chưa cập nhật đầy đủ, chính xác hồ sơ CBCCVC trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

đ) Bổ sung việc cập nhật đầy đủ, thường xuyên và sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC thành một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại cải cách hành chính hàng năm.

e) Thanh tra, kiểm tra việc cập nhật, phê duyệt, quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố.

2. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

a) Thường xuyên rà soát, cập nhật mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố theo quy định hiện hành để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Chịu trách nhiệm đảm bảo điều kiện về kỹ thuật vận hành nền tảng tích

hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) để kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu CBCCVC thành phố với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC.

### 3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định kinh phí phục vụ việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên phần mềm quản lý CBCCVC từ nguồn ngân sách thành phố.

4. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có thành tích hoặc vi phạm trong việc thực hiện quy chế này được xem xét khen thưởng hoặc xem xét kỷ luật theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp./.

HẢI PH